

KẾT QUẢ BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI SẮT HẠCH
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO ĐỢT THÁNG 7/2026

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUỖ		
1	28217200940	367204006727	Lưu Văn An	8/13/2004	Đắk Nông	Nam	Kinh	32CSC2	10.0	8.0	Đạt	
2	28206626526	348204001533	Ngô Nguyễn Ngọc An	5/17/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32SSC2	9.3	7.5	Đạt	
3	28212300412	3642040014334	Nguyễn Ngọc An	10/29/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN12	6.3	3.8	Không Đạt	
4	26205339251	344305001066	Trương Thùy An	12/6/2002	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32TYC3	9.3	9.8	Đạt	
5	29204659861	3493040015332	Nguyễn Cao Hoài Ân	10/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SHT1	3.7	1.8	Không Đạt	
6	29206565760	345304001771	Nguyễn Phan Phương Ân	3/24/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32TSC3	0.0	0.0	Không Đạt	HỦY (NƠI CB: 5.3; 4.1)
7	28219303180	3492040010689	Phạm Thiên Ân	8/31/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SYC2	8.0	6.3	Đạt	
8	29208253881	348305004286	Phan Nguyễn Thị Xuân Ân	1/21/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SSC2	9.7	6.5	Đạt	
9	29206757727	362305002909	Cai Vũ Phương Anh	7/25/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	32TBN4	6.7	5.0	Đạt	
10	29206647533	344305003876	Đặng Nguyễn Lan Anh	12/8/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32CBN2	7.3	8.0	Đạt	
11	27215450133	368202013248	Đỗ Khoa Việt Anh	4/2/2002	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32TBN5	9.0	8.0	Đạt	
12	29206650188	362305000116	Lê Quỳnh Nhật Anh	7/8/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	32TBN4	7.3	4.0	Không Đạt	
13	29207357385	346305005612	Nguyễn Phương Anh	7/12/2005	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	32TYC3	9.3	6.5	Đạt	
14	28206202993	348304001910	Nguyễn Thanh Vân Anh	9/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CYC2	8.3	6.0	Đạt	
15	27218427344	348203002092	Nguyễn Thế Anh	4/12/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	32TBN3	5.0	4.3	Không Đạt	
16	29208062958	346305003674	Nguyễn Thị Kim Anh	7/20/2005	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	32TSC3	8.0	6.0	Đạt	
17	28204651391	345303000931	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12/5/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32SSC2	6.7	6.5	Đạt	
18	26205433245	338302008453	Nguyễn Thị Ngọc Anh	8/16/2002	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	32TSC3	9.0	7.8	Đạt	
19	29208053527	348305002073	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	9/12/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CYC2	9.3	5.8	Đạt	
20	29208457177	348305002494	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1/31/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TBN2	7.3	5.3	Đạt	
21	29206565408	366304002830	Nguyễn Thúy Diệp Anh	10/31/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN18	6.3	5.0	Đạt	
22	29207558121	351305005737	Trần Thị Quỳnh Anh	7/29/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CHT3	8.0	4.0	Không Đạt	
23	29206357819	348305002219	Trương Ngọc Trâm Anh	7/18/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32THT4	8.0	7.0	Đạt	
24	26215436118	346202008373	Trương Văn Hoàng Anh	9/26/2002	Huế	Nam	Kinh	31TSC8	6.7	5.3	Đạt	
25	30206754886	345306005430	Võ Thị Trâm Anh	6/24/2006	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32THT4	6.3	4.0	Không Đạt	
26	28208143735	346304001764	Võ Trần Vân Anh	8/20/2004	Huế	Nữ	Kinh	32TSC3	10.0	6.5	Đạt	
27	28212301766	345203001094	Nguyễn Như Vũ Bằng	9/11/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT5	6.7	5.0	Đạt	
28	28214306826	349204002158	Lê Quốc Bảo	5/2/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32TBN3	7.3	1.0	Không Đạt	
29	27213838225	349203002326	Trần Quỳnh Bảo	6/18/2003	Tam Kỳ	Nam	Kinh	32TSC3	9.7	7.0	Đạt	
30	29208050328	330305005026	Nguyễn Thị Mai Chang	3/4/2005	Hải Dương	Nữ	Kinh	32TBN2	9.3	5.8	Đạt	
31	28204806904	342304009175	Trương Thị Khánh Chi	12/25/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	32SSC2	9.0	5.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUĐ			
32	29214639933	366203001131	Lê Triết	Chí	6/12/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	32TBN4	8.3	5.8	Đạt	
33	29212721971	366203011139	Đỗ Văn	Chiến	7/8/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	32TYC3	9.7	9.8	Đạt	
34	29204951005	349305012615	Trần Thị Mỹ	Chiêu	11/28/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TSC3	V	V	Vắng thi	
35	28214605431	326203003031	Đặng Chiến	Công	6/15/2003	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	32CHT3	7.3	6.3	Đạt	
36	27217146484	352203015760	Trần Quốc	Đăng	12/13/2002	Bình Định	Nam	Kinh	32TBN4	9.7	5.8	Đạt	
37	28218001389	356204006713	Phạm Quốc	Đạt	6/5/2004	Nha Trang	Nam	Kinh	31CBN1	5.7	5.3	Đạt	
38	28204953957	348304002573	Nguyễn Thị Hoài	Diễm	4/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN16	6.7	5.8	Đạt	
39	29206937700	349305013169	Trần Thị	Diễm	9/7/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CBN1	8.7	5.0	Đạt	
40	29209464537	362305000425	Trần Thị Phương	Diễm	6/15/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	32SHT3	6.7	8.0	Đạt	
41	29204640272	349305009248	Võ Thị Hiền	Diệu	8/17/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN5	8.3	5.0	Đạt	
42	28212338321	344204003893	Hoàng Thanh	Đức	8/8/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	32TYC3	4.0	3.6	Không Đạt	
43	28216206307	348200006532	Lê Quang	Đức	6/26/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC11	5.3	5.8	Đạt	
44	28215106163	344204002226	Nguyễn Thái	Đức	11/21/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	32CSC2	9.7	6.5	Đạt	
45	29214954248	367205003958	Trần Anh	Đức	5/13/2005	Đắk Nông	Nam	Kinh	32THT5	9.0	7.5	Đạt	
46	29206223625	342305010174	Lê Thị Thùy	Dung	5/2/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	32CSC2	8.7	6.0	Đạt	
47	29204854256	349305010887	Nguyễn Thùy	Dung	11/20/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TSC3	8.3	5.3	Đạt	
48	29216948735	345203007158	Hồ Công	Dũng	7/10/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	32THT2	6.7	5.5	Đạt	
49	27215326483	340203005017	Nguyễn Hoàng	Dương	7/11/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	32TYC3	5.3	3.3	Không Đạt	
50	29206541549	349305004137	Nguyễn Thị Ánh	Dương	6/21/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TSC3	8.7	3.8	Không Đạt	
51	27211342722	349203002035	Trần Nguyễn Hoàng	Dương	6/1/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30TSC11	0.0	4.0	Không Đạt	
52	26213200816	349200008530	Đoàn Văn	Đường	10/15/2000	Quảng Nam	Nam	Kinh	30CHT6	6.0	3.9	Không Đạt	
53	28218105696	348204001697	Lê Hoàng	Duy	6/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC6	6.0	6.5	Đạt	
54	28212304074	346204001029	Nguyễn Quốc	Duy	1/1/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	32THT4	9.3	7.5	Đạt	
55	27215301565	349203001879	Trần Bảo	Duy	9/14/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	32THT5	5.0	5.0	Đạt	
56	29207154141	348305000290	Bùi Thị Khánh	Duyên	4/28/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TBN4	9.3	5.3	Đạt	
57	27205252641	351303000625	Huỳnh Ngọc Kỳ	Duyên	11/18/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN5	6.7	3.3	Không Đạt	
58	29204530615	363305012086	Lê Thị Mỹ	Duyên	1/8/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	32SBN2	10.0	7.3	Đạt	
59	29204525649	349305007535	Lê Thị Mỹ	Duyên	3/8/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TYC3	3.7	2.8	Không Đạt	
60	29204855590	349305002023	Mai Huỳnh Mỹ	Duyên	3/7/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CHT3	9.3	5.3	Đạt	
61	29206562290	351305000922	Nguyễn Thị	Duyên	7/27/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32SBN2	9.0	5.8	Đạt	
62	29204957103	349305006753	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	2/26/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TSC3	8.3	3.0	Không Đạt	
63	29207152229	349305008900	Phạm Huỳnh Phú	Duyên	8/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN4	9.0	6.0	Đạt	
64	29204356454	349305011352	Trần Thị Mỹ	Duyên	7/14/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SBN2	8.7	5.5	Đạt	
65	29204634578	351305002609	Trần Thu	Duyên	9/10/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32SHT3	10.0	5.5	Đạt	
66	29204647384	351305005864	Võ Thị Mỹ	Duyên	8/18/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CSC2	7.3	5.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
67	29206565489	366303017511	H Đô Na Êban	8/2/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê Đê	31TBN19	7.0	3.5	Không Đạt	
68	29206655024	349303007405	Đặng Hương Giang	12/20/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CBN2	9.7	7.5	Đạt	
69	27205303172	352303008335	Lại Hoàng Châu Giang	6/13/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	32TYC3	9.0	9.3	Đạt	
70	29204756023	343303005335	Nguyễn Châu Giang	2/22/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32SHT3	9.0	7.0	Đạt	
71	28208001434	345304000821	Nguyễn Trần Hương Giang	1/8/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32CYC1	8.7	3.0	Không Đạt	
72	28207353055	351304011833	Phạm Ngân Giang	1/1/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32THT5	10.0	9.0	Đạt	
73	29202742186	366303007861	Vũ Thị Giang	7/27/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32CSC2	10.0	10.0	Đạt	
74	28212702279	342204000894	Đoàn Huy Giáp	3/1/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	32SHT3	V	V	Vắng thi	
75	27215450232	362203000268	Bùi Sơn Hà	7/12/2003	Kon Tum	Nam	Kinh	32THT5	7.0	8.0	Đạt	
76	26205339268	367303007391	Huỳnh Phương Hà	1/13/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32TYC3	8.7	9.8	Đạt	
77	28206549501	366304012124	Nguyễn Thị Thu Hà	5/2/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC9	5.7	3.3	Không Đạt	
78	30207237066	366306013788	Phạm Thị Thúy Hà	12/14/2006	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32TBN4	10.0	7.8	Đạt	
79	29204551854	348303005559	Trần Thị Thu Hà	10/25/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TSC3	9.0	3.4	Không Đạt	
80	29204557309	366303015510	Trần Thị Thu Hà	1/13/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32TYC3	9.7	6.0	Đạt	
81	28204704742	349304008548	Bùi Thị Mỹ Hạ	2/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT2	9.0	5.5	Đạt	
82	28207251952	317304006114	Đinh Thị Hồng Hải	7/21/2004	Hòa Bình	Nữ	Kinh	32CYC2	8.7	4.0	Không Đạt	
83	30204760386	348306000505	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	11/13/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SYC2	8.0	8.3	Đạt	
84	28203503022	352304005784	Phan Gia Hân	3/14/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN2	6.3	4.3	Không Đạt	
85	27205337651	354303001807	Võ Trịnh Ngọc Hân	9/30/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	32TBN5	9.7	7.3	Đạt	
86	28204348973	349304005158	Cao Thị Thu Hằng	3/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32THT4	7.0	5.0	Đạt	
87	29204141454	349303001690	Lâm Thị Thanh Hằng	8/12/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32THT4	9.3	3.5	Không Đạt	
88	28204749938	349304001104	Nguyễn Đoàn Thúy Hằng	3/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30SHT2	6.0	3.5	Không Đạt	
89	28207303744	352304007659	Nguyễn Thiêng Hằng	8/22/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC9	9.3	5.8	Đạt	
90	29206558612	351303003959	Phạm Thị Ngọc Hằng	1/16/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32TBN2	8.7	5.0	Đạt	
91	30204640289	345306000894	Thái Thị Lệ Hằng	7/9/2006	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32THT4	7.3	3.0	Không Đạt	
92	29206534617	349303008053	Nguyễn Mỹ Hạnh	7/23/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TBN2	6.7	5.0	Đạt	
93	29206557577	349303013195	Nguyễn Phan Mỹ Hạnh	9/13/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TYC3	8.7	6.0	Đạt	
94	28208145148	349304007294	Nguyễn Thị Công Hạnh	6/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN7	9.0	5.5	Đạt	
95	27215450233	368203010227	Nguyễn Lâm Chí Hào	5/11/2003	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32THT5	8.3	6.5	Đạt	
96	29207147309	349303007231	Hà Thị Thu Hiền	9/22/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN4	V	V	Vắng thi	
97	26215339273	349202005024	Phạm Hiền	9/18/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	32TSC3	9.3	9.0	Đạt	
98	29208064426	349303012519	Trần Thị Mỹ Hiệp	1/15/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TBN2	8.3	6.5	Đạt	
99	29206658286	367303007087	Nguyễn Thị Hồng Hiếu	11/27/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	32TBN3	-	V	Vắng thi	
100	29206734873	352303008944	Nguyễn Thị Mỹ Hiếu	10/14/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32TBN4	9.0	5.8	Đạt	
101	27212237336	348203007237	Huỳnh Bá Hiệu	1/22/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN5	7.3	5.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
102	0365244055	0493050012018	Huỳnh Thị Hoa	7/12/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TYC3	7.0	5.3	Đạt	
103	27205333490	0433030006463	Phan Thị Mai	9/5/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32SYC2	8.7	5.0	Đạt	
104	28207300477	0563040005110	Trần Ngọc Xuân	8/19/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	32CBN2	10.0	9.5	Đạt	
105	29204553575	0513050008856	Trương Mỹ	6/30/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32TYC3	9.0	5.5	Đạt	
106	29207154865	0623050006743	Huỳnh Thị Thanh	3/7/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN16	4.7	7.8	Không Đạt	
107	29208157333	048305001418	Võ Thị Minh	4/7/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TSC1	8.0	4.0	Không Đạt	
108	28217546592	0452040008793	Thái Hoài	1/16/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32TBN4	9.3	9.8	Đạt	
109	29205238807	0633050002678	Trần Thị Thu	8/17/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	32CHT3	2.7	3.5	Không Đạt	
110	30214721333	0452060004194	Trần Phi	11/19/2006	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TSC17	6.0	5.5	Đạt	
111	28210205774	049204016058	Trần Văn Quốc	4/22/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32TBN5	10.0	7.0	Đạt	
112	29205058811	0483050007573	Ngô Hoài Mai	3/22/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TBN4	9.0	9.8	Đạt	
113	28207101979	0493040000899	Nguyễn Ngọc Lan	12/4/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31CYC7	4.3	5.8	Không Đạt	
114	27205450313	052303004800	Phan Thị Thu	10/22/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	32THT5	8.0	6.8	Đạt	
115	29206557574	0543050009096	Bùi Liễu Ái	11/4/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	32THT4	9.7	9.8	Đạt	
116	28212353188	0442040007130	Hà Nhật	5/6/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31THT3	7.0	7.0	Đạt	
117	25216100497	0490990008290	Lê Phước	4/20/1999	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32TBN2	6.0	5.0	Đạt	
118	28214652698	046204011250	Nguyễn Công Nhật	1/13/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	30CSC8	6.0	5.3	Đạt	
119	28218150818	049204011717	Nguyễn Gia	6/30/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN13	-	V	Vắng thi	
120	28212744274	0462040000722	Nguyễn Ngọc	10/26/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	32TYC3	8.3	8.8	Đạt	
121	28218238730	049204000470	Nguyễn Phúc	7/15/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC16	5.0	5.8	Đạt	
122	29206555888	051305001218	Nguyễn Xuân	4/16/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CBN2	7.0	5.0	Đạt	
123	28207131883	0483040007015	Đinh Thụy Khánh	11/3/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC7	9.7	7.5	Đạt	
124	26205342405	0243020006297	Hoàng Phương	8/18/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	32CYC2	7.7	7.0	Đạt	
125	29206727441	049305001626	Nguyễn Thị Thanh	4/4/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32THT5	6.0	5.8	Đạt	
126	28206203126	0433040005075	Phan Võ Khánh	2/16/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT10	7.0	3.0	Không Đạt	
127	28212654842	049204001755	Hồ Văn	2/13/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32TSC2	9.0	3.5	Không Đạt	
128	29212943718	052205015377	Nguyễn Tuấn	9/14/2005	Bình Định	Nam	Kinh	32THT4	9.3	10.0	Đạt	
129	28216800125	0622040000547	Chu Đình An	12/25/2004	Kon Tum	Nam	Kinh	32TBN4	9.0	5.0	Đạt	
130	27215439549	0402020008725	Nguyễn Phúc	5/20/2002	Nghệ An	Nam	Kinh	32TSC3	9.0	6.8	Đạt	
131	26215333241	0432020003920	Phạm Công	4/10/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	32TYC3	8.3	6.8	Đạt	
132	27203727127	0453030008804	Trần Uyên	9/22/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC1	6.0	5.0	Đạt	
133	29214659383	049205004509	Nguyễn Thành	11/16/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	32CSC2	9.3	6.3	Đạt	
134	26211631647	051202010080	Vũ Đình	10/19/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32SHT3	8.0	7.5	Đạt	
135	25216209773	051201013082	Đoàn Đình	2/26/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	30THT15	7.0	5.9	Đạt	
136	28212301020	0492040005867	Phạm Hải	10/27/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32TBN5	9.0	8.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUĐ			
137	28217302081	158204002225	Trần Văn Anh	Khôi	6/17/2004	Ninh Thuận	Nam	Kinh	32CBN2	8.3	8.5	Đạt	
138	28203500810	166304012049	Nông Đặng Ngọc	Khuê	9/9/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32SYC2	7.0	8.1	Đạt	
139	0935135383	136088021610	Nguyễn Xuân	Kiên	9/24/1988	Ninh Bình	Nam	Kinh	32SYC2	9.7	9.8	Đạt	
140	28206242010	166304000442	Hồ Thị	Kim	4/29/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32CSC1	8.0	5.0	Đạt	
141	28212433941	149204004233	Huỳnh Văn	Kỳ	4/12/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32CYC2	9.7	8.0	Đạt	
142	27211322333	154203001205	Nguyễn Đại	Kỳ	3/7/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	32CBN2	9.0	6.3	Đạt	
143	27205450349	127303010483	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	6/2/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT10	9.0	5.8	Đạt	
144	28207247561	151304011392	Đào Thị Hồng	Lân	5/28/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	32CYC2	7.7	6.5	Đạt	
145	28207104908	142304010815	Đậu Thị	Lê	1/26/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	32TBN5	V	V	Vắng thi	
146	29209327292	145305004239	Trương Thị Hương	Lê	6/1/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32THT2	6.7	5.0	Đạt	
147	30208126163	170306010148	Diệp Thị Mỹ	Lệ	1/16/2006	Bình Phước	Nữ	Kinh	32CHT3	5.0	5.0	Đạt	
148	29204556867	148305003640	Phạm Nguyên Phương	Liên	5/4/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CHT3	5.0	3.3	Không Đạt	
149	27215303125	134094002633	Đỗ Văn	Linh	3/19/1994	Thái Bình	Nam	Kinh	32TSC3	9.3	7.5	Đạt	
150	28207202570	164304002774	Hoàng Vũ Khánh	Linh	4/17/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	32CSC2	9.3	9.5	Đạt	
151	29204935426	149305002655	Huỳnh Phan Tú	Linh	4/27/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32THT4	8.3	8.0	Đạt	
152	27205422458	170303003796	Lê Khánh	Linh	7/29/2003	Bình Phước	Nữ	Kinh	32TSC3	V	V	Vắng thi	
153	31208229488	149306004576	Lê Thị Thùy	Linh	12/21/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32THT4	6.7	5.0	Đạt	
154	29206741516	140305005942	Lê Thị Thùy	Linh	11/4/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	32THT5	9.0	8.0	Đạt	
155	27207125789	164303009302	Nguyễn Hoàng Văn	Linh	8/20/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SYC2	8.3	5.0	Đạt	
156	29216637519	149205003733	Nguyễn Huỳnh Khánh	Linh	9/9/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	32TBN5	8.0	6.5	Đạt	
157	29205264477	162305000236	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	1/6/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32THT3	7.7	5.0	Đạt	
158	28207454085	152304012582	Nguyễn Phan Diệu	Linh	6/4/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	32THT5	9.3	7.5	Đạt	
159	29206557611	149305013085	Nguyễn Thị Kim	Linh	6/13/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CBN2	10.0	6.5	Đạt	
160	29204927440	146305006094	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	11/4/2005	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	32THT4	7.0	5.0	Đạt	
161	28204653163	142304004719	Phan Hà	Linh	10/30/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	32SYC2	6.0	8.0	Đạt	
162	28207306239	122304001903	Trần Thị Khánh	Linh	5/6/2004	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	32THT5	8.0	6.8	Đạt	
163	28206206533	144304000412	Trần Thị Thùy	Linh	10/1/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SBN2	6.7	6.0	Đạt	
164	29204300131	148305006505	Trần Thị Thùy	Linh	2/25/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32THT4	9.0	10.0	Đạt	
165	28212354561	149204015917	Phan Minh Cường	Linh	3/5/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32THT5	6.3	5.3	Đạt	
166	28212349689	149204016003	Hồ Công Hoàng	Long	3/17/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32CHT3	8.7	4.0	Không Đạt	
167	28215237131	149204014574	Trương Phan Minh	Long	9/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT18	-	V	Vắng thi	
168	28212448339	151204011588	Trần Thanh	Luân	9/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32CYC2	9.0	7.0	Đạt	
169	28214637190	148204004334	Nguyễn Hữu	Lực	2/24/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT14	V	V	Vắng thi	
170	28212353913	149204009280	Cao Đức	Lương	10/13/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32THT5	6.3	5.0	Đạt	
171	29204861429	151305001197	Huỳnh Thị Thảo	Ly	11/4/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CHT3	9.0	4.0	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
172	27202900021	151303010891	Nguyễn Thị Kim Ly	1/4/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CBN2	7.3	5.3	Đạt	
173	29204459333	149305008090	Trần Trịnh Khánh Ly	8/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CBN2	9.7	6.0	Đạt	
174	29206727558	145305007723	Trương Thị Vân Ly	9/27/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32TYC3	7.3	5.5	Đạt	
175	28208142128	143304000893	Võ Hoàng Văn Ly	9/16/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	30CHT5	7.3	5.0	Đạt	
176	29206761694	149305001463	Nguyễn Minh Lý	6/30/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CHT2	9.0	5.3	Đạt	
177	29206632079	149305007681	Nguyễn Thị Thanh Lý	1/6/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN4	8.7	8.0	Đạt	
178	29206758781	142305004984	Lê Ánh Sao Mai	4/15/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	32TBN4	8.7	5.5	Đạt	
179	29204962427	143305005699	Trương Thị Tuyết Mai	6/13/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32CBN1	-	V	Vắng thi	
180	28207106850	151304012923	Nguyễn Thị Mân	2/28/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32TBN5	V	V	Vắng thi	
181	29204962509	151305000761	Huỳnh Ngọc Mến	10/16/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32TSC3	0.0	0.0	Không Đạt	HỦY (NƠI CB: 5.0; 2.8)
182	29204962509	151305000761	Huỳnh Ngọc Mến	10/16/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32TSC3	V	V	Vắng thi	
183	28206501095	151304008576	Nguyễn Thị Quỳnh Mi	2/13/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32TYC1	10.0	5.3	Đạt	
184	27215327683	138203001874	Lại Thế Nhật Minh	7/16/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31SBN5	9.0	5.5	Đạt	
185	27212135306	149303008643	Ngô Nhật Bảo Minh	4/24/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	32THT5	10.0	7.5	Đạt	
186	30206551715	164306018551	Nguyễn Thị Hồng Minh	6/19/2006	Gia Lai	Nữ	Kinh	32THT5	8.0	7.8	Đạt	
187	28206240084	148304005097	Nguyễn Thị Ngọc Minh	4/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32THT4	6.3	5.3	Đạt	
188	27215302871	142203002419	Nguyễn Tuấn Minh	8/10/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CYC5	6.3	5.0	Đạt	
189	29206765804	149305004762	Hoàng Thị Khánh My	2/27/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CBN2	10.0	8.0	Đạt	
190	28204647695	149304001771	Nguyễn Ngọc Trà My	10/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SBN2	4.7	2.0	Không Đạt	
191	28208001731	164304001876	Nguyễn Thị Trà My	3/18/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	32CSC2	9.3	8.5	Đạt	
192	29204849520	151305005485	Nguyễn Trần Quỳnh My	7/31/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CHT3	V	V	Vắng thi	
193	29206642013	151305005635	Phan Thị Diễm My	2/7/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CBN2	9.3	6.3	Đạt	
194	28207100490	166304002595	Trần Thị My	4/12/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32CYC2	9.0	6.3	Đạt	
195	29206265300	148305001277	Võ Hoàng Yến My	9/11/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TSC3	8.3	3.8	Không Đạt	
196	28204955032	144304003370	Võ Lê Trà My	4/26/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32SHT2	6.0	3.6	Không Đạt	
197	29204865753	149305001019	Ca Huyền Mỹ	4/18/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SHT3	7.0	6.8	Đạt	
198	29204634658	151305004218	Huỳnh Thị Thùy Mỹ	7/30/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32TSC3	9.0	2.8	Không Đạt	
199	29204537112	149305001365	Cù Thị Duy Na	9/27/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TSC3	0.0	0.0	Không Đạt	HỦY (NƠI CB: 7.7; 3.8)
200	29204757074	149305013846	Đỗ Thị Vi Na	11/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SBN2	7.3	5.0	Đạt	
201	28206806001	149304012377	Mai Ly Na	5/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC11	7.3	5.0	Đạt	
202	29206130522	153305001078	Ra Lan Thị Na	10/18/2005	Phú Yên	Nữ	Chăm	32TBN5	9.0	5.5	Đạt	
203	27215450421	152203001460	Lê Võ Hoàng Nam	3/15/2003	Bình Định	Nam	Kinh	32SYC2	6.7	9.3	Đạt	
204	28218224516	152204002812	Nguyễn Hoàng Nam	12/14/2004	Bình Định	Nam	Kinh	32SYC2	8.3	5.3	Đạt	
205	28212705692	145204000336	Phạm Văn Nam	2/16/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	32TYC3	9.0	7.3	Đạt	
206	29204449408	154305000239	Dương Thị Thúy Nga	5/20/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	32TSC1	7.7	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
207	28206245856	138303016681	Lê Thị Nga	9/19/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31CHT10	9.7	4.1	Không Đạt	
208	28205236715	149304006316	Nguyễn Thị Tố Nga	7/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC1	0.0	1.8	Không Đạt	
209	28207403657	140304025775	Nguyễn Thúy Nga	11/30/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	32THT5	8.3	7.5	Đạt	
210	26203523355	148302005003	Phạm Quỳnh Nga	9/5/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TSC3	V	V	Vắng thi	
211	28207205229	148304004506	Hồ Thị Kim Ngân	9/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CYC2	7.3	5.3	Đạt	
212	29204621866	152305000326	Nguyễn Kiều Ngân	11/30/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32CSC2	7.7	5.5	Đạt	
213	29204962352	149305001063	Nguyễn Lê Châu Ngân	8/12/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN5	6.0	6.5	Đạt	
214	30206563316	149306008945	Nguyễn Thị Thanh Ngân	11/16/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CHT3	9.7	5.0	Đạt	
215	28212300459	152204002633	Sử Thành Nghiệp	8/2/2004	Bình Định	Nam	Kinh	32SBN2	6.7	7.0	Đạt	
216	28206702043	166304006910	Hồ Thị Thúy Ngọc	2/2/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32SHT3	8.0	8.5	Đạt	
217	28202842275	148304004409	Lê Thị Bảo Ngọc	5/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN11	7.7	8.5	Đạt	
218	28207452606	168304001898	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	2/17/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	32THT5	8.0	6.8	Đạt	
219	27205301826	148303000853	Nguyễn Khánh Bảo Ngọc	2/24/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TYC3	9.7	9.8	Đạt	
220	28207102440	162304001002	Nguyễn Thị Bích Ngọc	4/26/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TSC5	5.0	3.8	Không Đạt	
221	29206257689	149305008860	Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	5/25/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN4	9.7	6.3	Đạt	
222	29202823158	144305001596	Trần Hồ Thảo Ngọc	6/22/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32CSC1	7.7	2.5	Không Đạt	
223	26207130903	148303002399	Trần Thị Như Ngọc	9/11/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TSC3	V	V	Vắng thi	
224	28214351734	144204004055	Trần Tuấn Ngọc	3/20/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	32SBN2	6.7	6.5	Đạt	
225	29208251864	148305005354	Đặng Thị Thảo Nguyên	6/20/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SSC2	8.3	4.0	Không Đạt	
226	29214523812	149205007816	Lê Minh Nguyên	2/25/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	32CBN2	5.3	5.3	Đạt	
227	28204404888	148304000170	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	12/13/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32SYC2	8.0	9.3	Đạt	
228	28213135012	151204013246	Phạm Văn Nguyên	10/21/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32TSC3	8.3	8.5	Đạt	
229	30217357717	151206004205	Thạch Cảnh Nguyên	3/4/2006	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32SSC2	V	V	Vắng thi	
230	31215244339	148207004477	Trần Bình Nguyên	8/23/2007	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32TYC3	2.7	0.5	Không Đạt	
231	29206737363	148305006785	Trần Vân Nguyên	1/3/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32THT4	9.0	5.5	Đạt	
232	29207263891	164305012154	Huỳnh Ánh Nguyệt	8/11/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	32TBN4	8.3	3.8	Không Đạt	
233	29206725365	149305008546	Trần Thị Minh Nguyệt	1/30/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32THT4	9.3	7.5	Đạt	
234	28212300637	154204008295	Võ Thanh Nhã	10/15/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	32SSC2	8.0	7.8	Đạt	
235	29209426181	144305001918	Hoàng Thị Thanh Nhân	11/26/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32CSC1	7.7	3.0	Không Đạt	
236	29214644597	149205007953	Phạm Công Nhân	3/1/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	32CSC2	4.3	3.5	Không Đạt	
237	28206547821	148303006631	Hồ Ngọc Bích Nhận	7/30/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CBN2	6.7	5.0	Đạt	
238	28206506312	154304001696	Trương Thị Mỹ Nhận	1/1/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	32TBN5	7.7	5.5	Đạt	
239	27215338532	160201002005	Mai Phan Xuân Nhật	2/9/2001	Bình Thuận	Nam	Kinh	32TYC3	V	V	Vắng thi	
240	27215353754	152301000500	Nguyễn Thái Nhật	1/1/2001	Bình Định	Nữ	Kinh	32TYC3	9.3	9.0	Đạt	
241	29214757242	140205024225	Nguyễn Văn Nhật	6/8/2005	Nghệ An	Nam	Kinh	32SHT3	8.3	7.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
242	27215301966	1462030010223	Phan Tiến Nhật	8/17/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	32SYC2	7.7	5.3	Đạt	
243	29204963235	1433030006411	Bùi Thị Phương Nhi	7/31/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32TBN5	7.3	7.5	Đạt	
244	28204854952	1443030001402	Lê Nguyễn Yến Nhi	2/24/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32CSC2	8.3	2.4	Không Đạt	
245	29204830826	1483030007627	Mai Thị Yến Nhi	7/18/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TBN5	0.0	0.0	Không Đạt	HỦY (NƠI CB: 10; 3,4)
246	28204352583	1493040005873	Ngô Phương Nhi	12/11/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT11	9.0	4.3	Không Đạt	
247	29206663895	1523030015205	Nguyễn Bảo Nhi	6/22/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32CBN2	7.3	4.3	Không Đạt	
248	28207452671	1523040007680	Nguyễn Hồ Mai Nhi	8/31/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	32THT5	9.3	10.0	Đạt	
249	29206755130	1433030007145	Nguyễn Ly Uyên Nhi	8/25/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32SBN2	7.3	6.3	Đạt	
250	28206506101	1493030006904	Nguyễn Thị Yến Nhi	8/19/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC1	8.3	7.3	Đạt	
251	30206763528	1493060005437	Phạm Uyên Nhi	2/14/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SSC2	V	V	Vắng thi	
252	29206546458	1493050000917	Phan Thị Yến Nhi	3/29/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TSC3	6.7	2.0	Không Đạt	
253	30204660209	1493060009439	Trần Thị Yến Nhi	8/16/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SHT3	8.3	7.8	Đạt	
254	29206762032	1433030006739	Vương Thị Yến Nhi	2/26/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32SBN2	6.7	5.3	Đạt	
255	29204641912	1513030006284	Lương Quỳnh Như	11/7/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32TSC3	8.3	6.0	Đạt	
256	28206254408	1523040008468	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	9/26/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	32SHT3	9.7	5.0	Đạt	
257	30206533565	1433060000762	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	3/6/2006	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32SYC2	9.0	5.3	Đạt	
258	30206754963	1443060006137	Trần Bảo Như	3/11/2006	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32SSC2	V	V	Vắng thi	
259	29206762033	1623030006932	Ngô Thị Hồng Nhung	2/24/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	32TSC3	4.3	6.0	Không Đạt	
260	28207402338	1663040001301	Nguyễn Thị Hồng Nhung	3/18/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32THT5	7.0	6.3	Đạt	
261	30206549059	1513060012474	Phạm Thị Nhung	5/24/2006	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32THT5	7.0	7.5	Đạt	
262	29204542708	1493030010940	Nguyễn Thị Ngọc Ni	9/6/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TSC3	7.0	3.8	Không Đạt	
263	29206744973	1663030009788	Hoàng Ngọc Nữ	8/17/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32SBN2	8.7	3.5	Không Đạt	
264	28207306980	1523040006509	Trương Nguyễn Ngọc Nữ	2/5/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	32THT5	6.7	7.1	Đạt	
265	29204658253	1493030009734	Võ Lê Ngọc Nữ	8/26/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN4	7.7	5.0	Đạt	
266	29213780374	1482030002061	Liêu Trác Phong	5/23/2005	Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	32TSC2	9.0	5.5	Đạt	
267	29217349115	1492030008836	Nguyễn Hoàng Bá Phong	7/17/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32TYC3	9.3	5.3	Đạt	
268	28212722625	1492040006237	Dương Tấn Phúc	10/1/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32TYC3	9.7	6.0	Đạt	
269	30212326120	1462060006316	Nguyễn Văn Bảo Phúc	7/24/2006	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	32THT4	9.0	9.5	Đạt	
270	27217034337	1462030001545	Nguyễn Văn Duy Phúc	12/9/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CYC11	8.7	5.3	Đạt	
271	30206523825	1493060012633	Phan Bảo Phúc	3/17/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CHT3	9.3	5.3	Đạt	
272	29214326907	1482030002623	Hồ Hoàng Phước	9/5/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32TBN4	5.0	4.0	Không Đạt	
273	28217354768	1482040001362	Nguyễn Văn Phước	12/4/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32CBN2	8.3	9.0	Đạt	
274	29207330679	1523030002200	Hồ Thị Ánh Phương	9/25/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32SYC2	9.7	5.8	Đạt	
275	28204302891	1433040007107	Lê Trần Hà Phương	8/12/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC7	7.0	6.3	Đạt	
276	29207334460	1483030005128	Nguyễn Dương Quỳnh Phương	7/30/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TYC3	9.0	7.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
277	29204954167	148305001275	Nguyễn Thị Phương	4/3/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TSC3	9.0	5.8	Đạt	
278	27202902502	140305001235	Phan Thị Hoài	7/7/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	30SSC7	5.0	1.8	Không Đạt	
279	29204965402	1493050012609	Trà Thiên	1/1/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32THT4	8.7	5.3	Đạt	
280	28207453065	1523040008317	Trương Thanh	8/19/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	32THT5	9.3	8.0	Đạt	
281	29207356292	1953050004429	Lê Đăng Huệ	4/28/2005	Bạc Liêu	Nữ	Kinh	32TYC3	8.0	7.6	Đạt	
282	28214602187	1492040002569	Nguyễn Hồng	12/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT19	8.7	6.0	Đạt	
283	28217106009	1662040004461	Nguyễn Thành	9/24/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30TYC6	8.7	7.8	Đạt	
284	28212303805	1522040007541	Nguyễn Trương	5/20/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN19	5.7	5.3	Đạt	
285	27215301933	1462030009903	Tổng Phước Minh	11/27/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	32SYC2	V	V	Vắng thi	
286	29206957634	1483050002397	Huỳnh Võ Mỹ	3/23/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CHT2	7.7	5.3	Đạt	
287	29206551344	1493050001857	Ngô Hà Hạnh	5/27/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SBN1	8.7	4.0	Không Đạt	
288	29204350752	1493050013854	Trần Thị Mỹ	6/23/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32THT4	7.0	5.0	Đạt	
289	28206245124	1493040008857	Vũ Thị Minh	5/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CBN2	6.7	5.0	Đạt	
290	28212304839	1642040037586	Rơ Châm	7/10/2004	Gia Lai	Nam	Jrai	32TBN4	9.7	7.0	Đạt	
291	28207254039	1493040007808	Đinh Thị Như	3/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN5	V	V	Vắng thi	
292	28208231386	1663030003859	Dương Lý Trúc	12/16/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32SHT3	8.0	8.0	Đạt	
293	29206760287	1493050010297	Huỳnh Phan Trúc	1/4/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TSC3	7.7	5.0	Đạt	
294	28206501948	1513040009735	Lâm Thị Như	2/22/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32THT4	8.0	6.3	Đạt	
295	29206648684	1493050012522	Ngô Nguyễn Như	10/21/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN5	9.0	7.0	Đạt	
296	28208102234	1663040015510	Nguyễn Hoàng Diễm	2/5/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32TBN4	9.7	6.3	Đạt	
297	29204648551	1443050008047	Nguyễn Thị Như	4/14/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32SHT3	9.3	5.0	Đạt	
298	28207249783	1483040001109	Trần Bút Khánh	7/23/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CYC2	8.7	8.0	Đạt	
299	28204526427	1483040001494	Trương Thị Diễm	9/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC16	6.7	6.5	Đạt	
300	29208157490	1663050008623	Võ Lâm Như	2/6/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC4	10.0	6.0	Đạt	
301	29214353032	1492050004437	Phan Đức Xanh	3/5/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	32SSC2	4.7	3.3	Không Đạt	
302	28217500779	1622040001194	Nguyễn Quốc	5/10/2004	Kon Tum	Nam	Kinh	32CSC2	8.3	6.4	Đạt	
303	27215127764	1672030000907	Kiều Anh	1/18/2003	Đắk Nông	Nam	Kinh	32SHT3	7.7	10.0	Đạt	
304	29218238934	1492050002269	Mai Xuân	4/18/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	32SBN2	9.7	7.5	Đạt	
305	28218001384	1562040006492	Phan Nhật Hoài	2/5/2004	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31TBN18	5.0	6.3	Đạt	
306	29207351081	1403050003142	Đậu Thị Thanh	6/17/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	32TYC3	6.0	5.0	Đạt	
307	29209422284	1643050015419	Nguyễn Thị Thanh	8/20/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	32TBN5	8.7	5.3	Đạt	
308	29204620209	1443050001986	Phạm Thị Băng	4/9/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32SHT3	9.0	5.5	Đạt	
309	29206954641	1493050009947	Phan Thị Khánh	10/7/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CBN1	7.3	4.0	Không Đạt	
310	28216734938	1483040007580	Trương Thị Thành	5/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SHT3	8.0	7.0	Đạt	
311	29216962307	1622050007776	Nguyễn Nhật	9/23/2005	Kon Tum	Nam	Kinh	32THT2	7.3	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
312	29214644619	349203004185	Nguyễn Văn Tân	5/27/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	32SSC2	9.0	9.0	Đạt	
313	28212301116	352204002641	Bùi Long Tấn	3/23/2004	Bình Định	Nam	Kinh	32SBN2	V	V	Vắng thi	
314	28212551493	351204009553	Trần Hồng Thái	3/29/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32SHT3	5.7	5.3	Đạt	
315	29215259503	363204004047	Trịnh Văn Thăng	9/14/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	32CHT3	8.3	7.1	Đạt	
316	29214320051	346205012675	Đỗ Văn Hữu Thắng	4/11/2005	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	32TBN4	6.0	3.0	Không Đạt	
317	28206705314	349304004376	Hồ Thị Tuyết Thanh	12/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SHT3	6.7	3.3	Không Đạt	
318	27202433120	348303003719	Lê Thị Thanh Thanh	9/22/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC7	9.0	5.3	Đạt	
319	29209421708	351305004846	Nguyễn Thị Thanh	2/10/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32THT4	6.7	1.1	Không Đạt	
320	28211141086	349204004385	Huỳnh Công Thành	8/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN6	6.3	5.0	Đạt	
321	27217147046	366203017046	Mai Văn Thành	12/13/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	32TYC3	9.7	6.8	Đạt	
322	28207404735	366304001710	Đặng Trịnh Phương Thảo	5/8/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32THT5	9.0	7.0	Đạt	
323	29204858270	349305009350	Hà Thị Thanh Thảo	9/22/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN4	V	V	Vắng thi	
324	29204342773	364305010218	Hoàng Thị Thu Thảo	11/19/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	32SBN2	6.3	3.5	Không Đạt	
325	29206551847	351305005760	Kiều Thị Như Thảo	4/9/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CBN2	9.7	6.5	Đạt	
326	29209354732	366305011645	Nguyễn Vy Nhật Thảo	9/22/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32THT2	6.0	4.3	Không Đạt	
327	29204120024	344305005088	Trương Thị Phương Thảo	2/12/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32TYC2	5.0	5.3	Đạt	
328	29207356426	351305012440	Vy Thị Thu Thảo	10/8/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32SYC2	6.7	5.9	Đạt	
329	29204655185	349305011076	Bùi Thị Thu Thị	9/20/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CHT3	5.0	3.4	Không Đạt	
330	26215436000	348201007254	Nguyễn Hoàng Thiện	1/2/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32TBN4	8.7	5.0	Đạt	
331	28212341917	349204000885	Tôn Thất Vạn Thiện	2/22/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32SSC2	7.3	7.8	Đạt	
332	29211355626	348205006559	Hồ Công Thịnh	10/16/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32CBN2	8.3	4.0	Không Đạt	
333	28210346306	349204004694	Hồ Phước Thịnh	5/18/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC6	5.7	7.0	Đạt	
334	28218037797	348204005788	Nguyễn Phan Thịnh	10/12/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32CYC2	9.0	6.5	Đạt	
335	28212300468	346203012733	Trần Văn Thọ	10/20/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	32TBN4	8.3	9.8	Đạt	
336	28212325632	352203010106	Lê Hoàng Thoáng	3/23/2003	Bình Định	Nam	Kinh	32TBN5	9.3	7.0	Đạt	
337	27215445633	349203005064	Nguyễn Minh Thông	9/14/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	32TSC3	8.3	8.0	Đạt	
338	28212301533	340204004553	Nguyễn Văn Thông	11/8/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	32SSC2	9.0	5.3	Đạt	
339	25217104296	348201000316	Phan Quốc Thông	2/7/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32SHT3	V	V	Vắng thi	
340	29206765556	320303003692	Hoàng Thị Thu	7/3/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	32CBN1	5.0	5.0	Đạt	
341	29206558869	351305005119	Bùi Thị Anh Thư	7/25/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32TSC1	8.0	5.3	Đạt	
342	29206500102	364305002466	Đào Thị Kim Thư	8/21/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	32CSC2	8.3	6.3	Đạt	
343	29208231799	348305005692	Lê Hà Anh Thư	8/9/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SSC2	5.7	5.0	Đạt	
344	29204562363	351305000606	Lê Thị Thanh Thư	3/23/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CHT3	6.3	8.8	Đạt	
345	28208003404	364304008051	Ngô Thị Kim Thư	4/12/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	32CBN2	7.3	5.0	Đạt	
346	0359539170	352305004334	Nguyễn Quỳnh Thư	5/2/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32THT4	9.7	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUĐ			
347	29206760236	349305000306	Nguyễn Thị Minh	Thư	5/3/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TSC3	8.7	5.8	Đạt	
348	29205256150	348305001436	Trần Ngọc	Thư	10/5/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CHT3	9.3	4.3	Không Đạt	
349	30206525525	351306007946	Trần Võ Anh	Thư	1/14/2006	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32THT5	9.0	7.8	Đạt	
350	28202746757	349203010254	Lê Khánh	Thuận	2/3/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32THT4	8.7	8.8	Đạt	
351	29208030069	349305001905	Lê Nguyễn Hiền	Thục	8/3/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TYC2	5.3	5.3	Đạt	
352	29204655708	351305010897	Nguyễn Thị Hoài	Thương	1/2/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CHT3	8.0	5.3	Đạt	
353	28208103546	367304000164	Trần Thị	Thương	8/9/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	32TSC3	9.0	5.5	Đạt	
354	28204606917	348304001145	Lê Trần Cẩm	Thuy	11/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TBN5	9.0	8.3	Đạt	
355	29206757211	364305005533	Ksor H'	Thúy	12/12/2005	Gia Lai	Nữ	Jrai	32SBN2	9.0	3.8	Không Đạt	
356	0787665423	346305004300	Nguyễn Đức Biên	Thùy	4/23/2005	Huế	Nữ	Kinh	32THT4	9.7	8.5	Đạt	
357	29206558637	351305011913	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	5/9/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32THT4	9.0	9.3	Đạt	
358	27205352342	368303014056	Phạm Thị	Thùy	4/26/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CHT4	8.3	3.5	Không Đạt	
359	29204654508	342305009733	Trần Thị Thu	Thúy	11/17/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	32SYC2	8.0	8.0	Đạt	
360	27202630313	345303008383	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	3/24/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32CSC2	V	V	Vắng thi	
361	28204653291	340304002797	Nguyễn Thủy	Tiên	6/21/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	32SYC2	9.0	6.8	Đạt	
362	24217104114	348200006702	Phạm Công	Tiến	3/3/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32CYC2	7.7	6.8	Đạt	
363	2321173809	351099013630	Võ Trọng	Tiến	1/1/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32CSC2	8.3	6.8	Đạt	
364	27202936124	354303002701	Trần Thị Thanh	Tiền	7/26/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TBN2	8.0	5.0	Đạt	
365	28218004440	349204001518	Nguyễn Đức	Tin	12/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32CYC2	7.3	9.3	Đạt	
366	28212306260	351204000879	Trần Văn	Tinh	9/26/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32TBN5	7.7	6.0	Đạt	
367	27205445574	336203007798	Ngô Xuân	Tinh	2/1/2003	Nam Định	Nam	Kinh	31SSC4	9.3	5.3	Đạt	
368	29204650464	349305015235	Phạm Thị Phương	Tinh	12/4/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CSC2	9.3	5.0	Đạt	
369	28207105661	352303001436	Lê Thị Thanh	Tinh	11/30/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT6	V	V	Vắng thi	
370	27214338576	349203005566	Lê Minh	Toàn	7/29/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC16	-	V	Vắng thi	
371	28212452898	351204013401	Nguyễn Tấn	Toàn	12/18/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32CYC2	9.0	6.3	Đạt	
372	27217125199	352303001553	Phạm Huỳnh Thanh	Tra	10/4/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	32TSC3	0.0	0.0	Không Đạt	HỦY (NG CB: 7.3; 3.5)
373	29208050503	351305006305	Huỳnh Thị Ngọc	Trà	2/25/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CHT3	7.7	5.0	Đạt	
374	28212301111	351204012580	Phạm	Trà	7/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32TBN5	9.3	7.0	Đạt	
375	29204335928	349305002045	Hồ Kiều	Trâm	9/27/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CSC2	6.7	3.5	Không Đạt	
376	27205300726	348303001594	Lê Hoàng Bảo	Trâm	4/15/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TYC3	8.3	8.5	Đạt	
377	29206557610	349305004642	Lê Thị	Trâm	5/31/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SBN2	7.3	5.8	Đạt	
378	30206559104	351306005915	Nguyễn Thị	Trâm	11/7/2006	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32THT5	9.7	9.0	Đạt	
379	29206562451	349305006468	Trần Thanh	Trâm	12/5/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC4	7.0	5.0	Đạt	
380	29206541534	351305009833	Bùi Thị Tuệ	Trân	5/21/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CBN2	9.0	5.0	Đạt	
381	29208155349	348305001055	Đoàn Bảo	Trân	10/7/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CBN2	9.0	3.8	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
382	28206201462	363304015539	Lê Nguyễn Bảo Trân	8/21/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	32CYC2	6.7	7.3	Đạt	
383	29208227647	366305009435	Lê Trần Huyền Trân	12/7/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32SSC2	V	V	Vắng thi	
384	29208243251	349305004276	Trần Minh Quế Trân	3/22/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SBN2	6.3	6.0	Đạt	
385	29207335099	352305002103	Trần Quế Trân	9/15/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32TYC3	9.3	6.8	Đạt	
386	27203735758	338303010107	Dương Thùy Trang	8/26/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31TSC1	5.0	2.5	Không Đạt	
387	28208103856	343304009346	Lê Thị Huyền Trang	7/13/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32CYC2	8.3	8.0	Đạt	
388	29204649322	344305000020	Nguyễn Bùi Khánh Trang	1/3/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC17	9.7	5.5	Đạt	
389	27214301351	353305004541	Nguyễn Hoài Trang	7/8/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	32THT5	V	V	Vắng thi	
390	29204820298	364305018260	Nguyễn Thị Trang	1/16/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	32SHT3	9.3	9.0	Đạt	
391	29207264268	349305007343	Nguyễn Thị Hồng Trang	5/30/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SYC2	8.7	6.5	Đạt	
392	29204540273	349305012138	Nguyễn Thị Thùy Trang	4/16/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN5	8.7	5.8	Đạt	
393	29204920950	344305008512	Nguyễn Thị Vân Trang	5/22/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32CSC1	6.0	4.3	Không Đạt	
394	28204645229	366304006748	Phạm Thị Thùy Trang	3/20/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30CSC8	6.3	5.5	Đạt	
395	28207204173	349304011486	Phan Vũ Huyền Trang	4/7/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CSC2	7.7	7.5	Đạt	
396	29208163431	349305009236	Trần Thị Huyền Trang	6/6/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN4	8.3	6.9	Đạt	
397	28204600267	349304014139	Nguyễn Phương Trình	9/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SHT3	8.0	5.3	Đạt	
398	29204454980	356305009334	Phạm Tú Trình	9/13/2005	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	32THT4	9.0	6.3	Đạt	
399	29204461832	349305011523	Bùi Nguyễn Phương Trúc	9/27/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CBN2	8.0	4.0	Không Đạt	
400	29206658826	349305002235	Phan Thảo Trúc	12/22/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SBN2	9.7	5.0	Đạt	
401	28211150934	348304001820	Hồ Xuân Trung	5/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32SBN2	V	V	Vắng thi	
402	27215427886	352303014806	Lê Thành Trung	4/15/2003	Bình Định	Nam	Kinh	32TBN5	7.3	7.3	Đạt	
403	28218100745	345204000815	Nguyễn Đức Trung	9/13/2004	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31THT11	6.7	6.0	Đạt	
404	28212303775	364204009675	Nguyễn Lợi Thái Trường	2/6/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	32TSC3	9.7	5.0	Đạt	
405	29206222248	357305004131	Lê Võ Truyền	12/18/2005	Bình Định	Nam	Kinh	32CBN2	9.7	9.8	Đạt	
406	28214602151	367203001453	Bùi Văn Tú	11/24/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TBN18	4.0	5.0	Không Đạt	
407	28206503269	366304009692	Hoàng Thị Cẩm Tú	6/30/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC10	6.7	4.0	Không Đạt	
408	27212142211	348203008896	Phạm Cảnh Tú	2/5/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30TBN13	5.3	4.3	Không Đạt	
409	29205249678	348305001826	Phạm Đoàn Cẩm Tú	6/28/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CHT3	V	V	Vắng thi	
410	29204549916	349305006435	Võ Cẩm Tú	7/20/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TSC3	9.7	8.8	Đạt	
411	28212204543	349204013942	Lê Anh Tuấn	11/5/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32SHT3	6.3	5.8	Đạt	
412	28215139881	349204007711	Thân Văn Tuấn	1/24/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN18	8.3	5.0	Đạt	
413	28212454710	349204009451	Võ Thanh Tùng	3/16/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32SSC2	8.7	9.0	Đạt	
414	29206760621	352305010493	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9/24/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32SBN2	8.7	3.8	Không Đạt	
415	28207300085	351304009306	Trần Thị Thanh Tuyền	4/16/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CBN2	8.7	6.8	Đạt	
416	29208155326	349305002430	Nguyễn Ngọc Ánh Tuyết	4/11/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32THT4	9.7	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	MÃ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
417	30208158159	348306002245	Hà Thu Uyên	8/22/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CHT3	10.0	8.3	Đạt	
418	28204303949	349304000641	Nguyễn Thị Bảo Uyên	1/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT3	5.3	5.8	Đạt	
419	29204727262	349305014196	Phạm Duy Uyên	10/27/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SBN2	7.3	3.0	Không Đạt	
420	29204864432	349305012542	Phạm Thị Châu Uyên	1/1/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SHT3	8.3	7.0	Đạt	
421	28204605469	366304000982	Trần Mai Tú Uyên	6/11/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC8	6.0	5.3	Đạt	
422	28204605522	351304000842	Trương Huỳnh Tú Uyên	2/24/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32SBN2	6.7	6.3	Đạt	
423	28209405450	352304012889	Bùi Thị Thủy Vân	12/5/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	32CSC2	9.0	5.5	Đạt	
424	28208104722	362304000018	Đinh Thanh Cẩm Vân	10/3/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	32TYC3	7.7	5.0	Đạt	
425	28204643433	362304001339	Ngô Thị Bích Vân	11/11/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	32CYC2	7.3	3.3	Không Đạt	
426	30203526335	348306003605	Nguyễn Thị Ngọc Vân	11/26/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CSC2	10.0	9.5	Đạt	
427	29207160255	344305004920	Võ Thị Thảo Vân	7/11/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32TBN4	4.3	2.3	Không Đạt	
428	29206737144	352305007514	Hồ Hứa Nhã Vi	6/8/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32TBN4	9.3	9.0	Đạt	
429	28217535259	354204003249	Đặng Thành Vinh	4/5/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	32CSC2	9.7	6.0	Đạt	
430	28212300210	364204000607	Huỳnh Văn Vinh	7/6/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	32SBN2	V	V	Vắng thi	
431	28212300942	352204002596	Lê Quang Vinh	11/29/2004	Bình Định	Nam	Kinh	32SBN2	9.7	9.0	Đạt	
432	28212348895	351204014856	Nguyễn Thành Vinh	2/4/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32SBN2	9.0	6.3	Đạt	
433	28212304132	349204002347	Phạm Lâm Vũ	4/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN10	6.3	4.5	Không Đạt	
434	28212351140	354203000842	Nguyễn Văn Vương	10/10/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	32CHT3	9.0	7.3	Đạt	
435	28204351850	348304007241	Lê Thị Bích Vy	4/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32THT4	10.0	4.4	Không Đạt	
436	29205144663	349305000894	Lê Trương Hạ Vy	10/17/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TSC3	6.7	5.0	Đạt	
437	29205242825	349305000257	Nguyễn Thị Vy	6/13/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN4	V	V	Vắng thi	
438	28204304529	348304000854	Nguyễn Thị Thủy Vy	10/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CSC1	9.7	6.5	Đạt	
439	29206530580	349305011937	Nguyễn Thị Tường Vy	5/1/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CSC2	9.0	4.0	Không Đạt	
440	28207329166	348304000839	Ninh Hào Vy	7/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CBN2	9.3	9.8	Đạt	
441	29209425030	366305000839	Vũ Trà Vy	4/12/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32TBN5	9.0	5.0	Đạt	
442	28207351914	356304001876	Đặng Cao Hương Xuân	1/27/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	32CBN2	9.7	9.8	Đạt	
443	29208262096	349305013235	Lê Thị Như Ý	6/14/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TSC3	9.3	6.3	Đạt	
444	29206230775	364305002677	Nguyễn Ngọc Như Ý	5/4/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	32CHT3	7.7	5.0	Đạt	
445	29217454795	351305002151	Phan Thị Như Ý	5/13/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32SBN2	9.7	9.8	Đạt	
446	29206752340	349305012845	Võ Thị Tuyết Yên	11/27/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TSC3	10.0	6.8	Đạt	
447	27205425268	340303007087	Hồ Thị Hải Yến	9/2/2003	Nghe An	Nữ	Kinh	32TSC3	7.3	5.0	Đạt	